

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 78/2017/HS-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Bùi Thị Thu Hằng;
- Ông Bùi Thanh Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố V .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Nhà văn hóa khu 1, xóm Thủy, phường
L, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án
hình sự thụ lý số: 76/2017/HS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 79/2017/HSST- QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với
bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh ngày 12/8/1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ
dân phố V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Đường K, phường L,
thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa:
1/12; nghề nghiệp: Không; bố đẻ Trần Nguyên Q, mẹ đẻ Nguyễn Thị C, vợ là
Hoàng Thị P H và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh
năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số:
23/1998/HS-ST ngày 16/4/1998, Tòa án nhân dân huyện T (cũ) xử phạt bị cáo
21 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đã chấp hành
xong hình phạt tù và án phí. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số:
179/2013/HSST ngày 10/12/2013, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt bị cáo
12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và
án phí, còn phần trách nhiệm dân sự người bị hại không yêu cầu thi hành án; bị
cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2017 cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; nơi cư
trú: Thôn H, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn P bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 27/3/2017, Nguyễn Văn P, đường K, khu hành chính 8, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thì nhận được điện thoại của Nguyễn Văn T hỏi mua 01 gói ma túy đá giá 500.000đ, P đồng ý và hẹn T đến khu phòng trọ P đang ở để giao ma túy. Khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, T đến gặp P. Tại trước cửa khu phòng trọ, T đưa cho P 300.000đ và 01 thẻ cào điện thoại mệnh giá 200.000đ. P cầm tiền và thẻ cào rồi đưa lại cho T 01 gói nilon bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá. T vừa cầm gói ma túy thì bị tổ công tác phòng chống tội phạm về ma túy Công an thành phố V phát hiện và bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm có:

- Thu của Nguyễn Văn T 01 gói nilon bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá được niêm phong có ký hiệu A1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia;
- Thu của Nguyễn Văn P số tiền 300.000đ, 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 200.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips;
- Thu giữ tại phòng trọ số 05, số nhà 56, ngõ 3 đường Kim Đồng 01 chai nhựa, nắp có cắm 01 ống hút nhựa và cắm 01 ống hút thủy tinh.

Tại Kết luận giám định số: 261/KLGD ngày 01/4/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: *Tinh thể dạng đá của mẫu ký hiệu A1 có trọng lượng là 0,1457 gam có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine trong 0,1457 gam mẫu là 0,0993 gam.* Hoàn lại mẫu vật còn lại sau giám định gồm A1 = 0,0437 gam và toàn bộ bao gói.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, Nguyễn Văn P khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 26/3/2017, P nhặt được 01 gói ma túy đá tại khu vực Dốc Láp, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. P đã sử dụng một phần, phần còn lại P cất giấu với mục đích có ai mua thì bán kiếm lời. Ngày 27/3/2017, Nguyễn Văn T gọi điện hỏi mua ma túy nên P đã đồng ý bán cho T gói ma túy đá trên với giá 500.000đ.

Tại Cáo trạng số: 80/KSĐT-MT ngày 14/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P không thừa nhận đã bán ma túy cho T như nội dung Cáo trạng đã nêu, bị cáo khai: Khoảng 18 giờ ngày 27/3/2017, T gọi điện cho P hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000đ, P đồng ý và bảo T mua hộ một thẻ cào điện thoại giá 200.000đ và đi đến phòng trọ của P. Khoảng 19 giờ cùng ngày, tại trước cửa phòng trọ, P vừa nhận của T số tiền 300.000đ và

01 thẻ cào mệnh giá 200.000đ thì bị Công an bắt. Tại thời điểm bắt giữ P chưa đưa gói ma túy đá cho T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra đã khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 27/3/2017, Nguyễn Văn T điện thoại cho Nguyễn Văn P để mua ma túy về sử dụng, P nhờ T mua hộ 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 200.000đ để trừ vào tiền mua ma túy. Khoảng 19 giờ cùng ngày, tại trước cửa phòng trọ của P, T đưa cho P số tiền 300.000đ và 01 thẻ cào điện thoại Viettel có mệnh giá 200.000đ. P cầm tiền và thẻ cào điện thoại rồi đưa lại cho T 01 gói ma túy đá thì bị Công an phát hiện và bắt giữ quả tang (bút lục 18, 52, 53, 54A).

Người làm chứng là chị Nguyễn Thị L và Đỗ Tuấn K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra khai nhận như nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 18, 46, 47, 48, 49, 50, 51).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,0437 gam ma túy cùng toàn bộ bao gói ma túy còn lại sau giám định, 01 chai nhựa nắp có cắm 01 ống hút nhựa và cắm 01 ống hút thủy tinh; tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động đã thu giữ của Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn P, 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 200.000đ và số tiền 300.000đ của Nguyễn Văn P.

Bị cáo Nguyễn Văn P không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn P tại Cơ quan điều tra xác nhận vào khoảng 20 giờ ngày 26/3/2017, bị cáo P đã nhận được 01 gói ma túy đá đem về sử dụng một phần, phần còn lại cất giấu xem có ai mua thì bán. Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 27/3/2017, tại trước cửa phòng trọ của P, Nguyễn Văn T có đưa cho P 300.000đ và 01 thẻ cào điện thoại mệnh giá 200.000đ, P cầm tiền và thẻ cào rồi đưa lại cho T 01 gói ma túy đá thì bị Công an bắt quả tang. Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo P phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan Nguyễn Văn T xác nhận đã đưa tiền và thẻ cào cho P, sau đó P đưa lại cho T 01 gói ma túy đá thì bị Công an bắt quả tang; phù hợp với lời khai của các người làm chứng là Nguyễn Thị L và Đỗ Tuấn K xác nhận có chứng kiến việc P và T trao đổi với nhau vật gì đó thì bị Công an bắt quả tang; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu T khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 19 giờ 10 phút ngày 27/03/2017, tại khu vực trước cửa phòng trọ số 05, số nhà 56 ngõ 3 đường Kim Đồng, khu hành chính 8, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo Nguyễn Văn P đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy cho Nguyễn Văn T với giá tiền 500.000đ thì bị Công an thành phố V phát hiện và bắt quả tang. Tang vật thu giữ là 01 gói ma túy đá có trọng lượng 0,1457 gam có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine trong 0,1457 gam là 0,0993 gam.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 7 năm tù nên theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy và đã 02 lần bị kết án về hành vi xâm phạm quyền sở hữu. Mặc dù các tiền án đó đã được xóa án tích nhưng cũng chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, nhưng tại phiên tòa đã không khai báo thành khẩn toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không bị áp dụng tình tiết nào.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là thu lời bất chính; trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu và hiện tại trên địa bàn thành phố V các tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa P và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù ở mức trên khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T là đối tượng nghiện ma túy, mục đích mua túy để sử dụng; hành vi tàng trữ trái phép 0,0993 gam ma túy đá của T chưa cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 0,0437 gam ma túy cùng toàn bộ bao gói ma túy còn lại sau giám định và 01 chai nhựa, nắp có cắm 01 ống hút nhựa và cắm 01 ống hút thủy tinh thu giữ Nguyễn Văn P không có giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với số tiền 300.000đ và 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 200.000đ là tài sản do phạm tội mà có, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips thu giữ của Nguyễn Văn P là P tiện các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 27/3/2017).

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa, nắp có cắm 01 ống hút nhựa và cắm 01 ống hút thủy tinh; 0,0437 gam ma túy và toàn bộ bao gói ma túy còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T; 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 200.000đ và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P.

(Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 02/8/2017).

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án tại địa P nơi thường trú./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V ;
- Công an thành phố V ;
- Trại tạm giam- CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án V ;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Lý